

p146

T33. 证明:  $\exists$  幂等元  $x \in X$ , 故  $f(x) \oplus f(x) = f(x * x) = f(x) \in Y$ .  
故  $f(x)$  是  $Y$  中的幂等元.  $Y$  中存在幂等元.

T37. ①  $\forall x \in S_1, x \in S$ , 故  $S_1 \subseteq S$

②  $e * e = e$ , 故  $e \in S_1, S_1 \neq \emptyset$

③ 封闭性: 任意  $x_1, x_2 \in S_1, x_1, x_2 \in S$  且  $\exists y_1, y_2$  使得  $y_1 * x_1 = e$ ,  
 $y_2 * x_2 = e, x_1 * x_2 \in S$ , 且  $\exists z \in S, z = y_2 * y_1$ ,

$$z * (x_1 * x_2) = (y_2 * y_1) * (x_1 * x_2)$$

$$= y_2 * (y_1 * x_1) * x_2$$

$$= y_2 * e * x_2$$

$$= y_2 * x_2 = e$$

故  $x_1 * x_2 \in S_1$ ,  $*$  在  $S_1$  上封闭

④ 么元: 由②可知  $\langle S_1, * \rangle$  的么元为  $e$ .

综上①②③④,  $\langle S_1, * \rangle$  是  $\langle S, * \rangle$  的子含么半群.

T39. 证明: (1) ① 存在性:  $\forall a \in G, \exists a^{-1} \in G, \therefore \exists x = a^{-1} * b \in G$ . 则

$$a * x = a * (a^{-1} * b) = (a * a^{-1}) * b = e * b = b$$

$\therefore \exists x = a^{-1} * b$  满足  $a * x = b$

② 唯一性: 设  $x_1, x_2 \in G$  满足  $a * x = b$ . 由于群中运算满足消去律,  
则  $a * x_1 = b \wedge a * x_2 = b \Rightarrow a * x_1 = a * x_2 \Rightarrow x_1 = x_2$

$\therefore a * x = b$  的解  $x$  唯一.

No: \_\_\_\_\_

Date: \_\_\_\_\_

12. 存在性:  $\forall a \in G, a^{-1} \in G, \therefore \exists y = b * a^{-1} \in G$ , 使得

$$y * a = (b * a^{-1}) * a = b * (a * a^{-1}) = b * e = b.$$

$\therefore \exists y = b * a^{-1}$  满足  $y * a = b$

② 唯一性: 设  $y_1, y_2 \in G$  满足  $y * a = b$ , 由于群中运算满足消去律, 故

$$y_1 * a = b \wedge y_2 * a = b \Rightarrow y_1 * a = y_2 * a \Rightarrow y_1 = y_2$$

$\therefore y * a = b$  的解  $y$  唯一.

T43. 证明: 已知  $\langle S, * \rangle$  为含么半群, 故只需证明  $\langle S, * \rangle$  中任一元素有逆元且满足交换律即可.

① 有逆元: 对任一  $x \in S, x * x = e \Rightarrow x^{-1} = x$

② 交换律:  $\forall x, y \in S$ , 群满足结合律, 故

$$x * y = x^{-1} * y^{-1} = (y * x)^{-1} = y * x \text{ 满足交换律}$$

综上,  $\langle S, * \rangle$  是交换群

T45. 证明: 假设存在  $x \in G$  是幂等元且  $x \neq e$ , 则

$$\begin{aligned} x * x &= x, \text{ 又 } x = e * x = (x^{-1} * x) * x = x^{-1} * (x * x) \\ &= x^{-1} * x = e, \text{ 矛盾!} \end{aligned}$$

故  $e$  是唯一的幂等元.

T55. 证明: ①  $f$  单射:  $\forall x, y \in G$ , 群满足消去律, 则

$$f(x) = f(y) \Rightarrow a * x * a^{-1} = a * y * a^{-1} \Rightarrow x = y, \text{ 单射}$$

②  $f$  满射:  $\forall y \in G, \exists x = a^{-1} * y * a \in G, f(x) = a * x * a^{-1}$   
 $= a * (a^{-1} * y * a) * a^{-1} = y$ , 故  $f$  满射.

③  $f$  是同态函数:  $\forall x, y \in G, f(x * y) = a * (x * y) * a^{-1}$   
 $= a * (x * (a^{-1} * a) * y) * a^{-1} = (a * x * a^{-1}) * (a * y * a^{-1})$   
 $= f(x) * f(y)$ ,  $f$  满足同态公式,  $f$  是同态函数.

综上①②③,  $f$  是从  $\langle G, * \rangle$  到  $\langle G, * \rangle$  的同构函数.

157. 证明: ① 自反性:  $\langle G, * \rangle$  是群, 存在元  $e$ , 则  $\forall x \in G$ ,

$\exists z = e$ , 使得  $x = e * x * e^{-1}$ , 故  $(x, x) \in R$ ,  $R$  是自反的;

② 对称性:  $\forall (x, y) \in R$ ,  $\exists z \in G (y = z * x * z^{-1})$ , 取  $z' = z^{-1}$ , 有  
 $x = z^{-1} * y * (z^{-1})^{-1}$ , 故  $(y, x) \in R$ ,  $R$  是对称的;

③ 传递性:  $\forall (a, b) \in R \wedge (b, c) \in R$ , 则  $\exists z_1, z_2 \in G, b = z_1 * a * z_1^{-1}$ ,  
 $c = z_2 * b * z_2^{-1}$ ,  $\exists z = z_2 * z_1 \in G$ , 使得

$$\begin{aligned} c &= z_2 * (z_1 * a * z_1^{-1}) * z_2^{-1} \\ &= (z_2 * z_1) * a * (z_2^{-1} * z_1^{-1}) \\ &= (z_2 * z_1) * a * (z_2 * z_1)^{-1} \end{aligned}$$

故  $(a, c) \in R$ .  $R$  是传递的.

综上①②③,  $R$  是  $G$  上的等价关系.